

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Mông Thị A, sinh năm 1984

Nơi ĐKKHKT: Tổ 8, phường T, thành phố C, tỉnh C.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 5, phường Đ, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1981

Nơi ĐKKHKT: Tổ 8, phường T, thành phố C, tỉnh C.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 5, phường Đ, thành phố C, tỉnh C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Mông Thị A và anh Trần Văn B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Mông Thị A và anh Trần Văn B đều thuận tình ly hôn.

- **Việc nuôi con:** Chị Mông Thị A và anh Trần Văn B có hai con chung tên là Trần Thị T, sinh ngày 14/9/2008 và Trần Văn C, sinh ngày 06/9/2016. Chị Mông Thị A và anh Trần Văn B thỏa thuận như sau:

- Chị Mông Thị A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Văn C, sinh ngày 06/9/2016 cho đến khi cháu Trần Văn C thành niên (đủ 18 tuổi).

- Anh Trần Văn B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Thị T, sinh ngày 14/9/2008 cho đến khi cháu Trần Thị T thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Mông Thị A và anh Trần Văn B đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Mông Thị A và anh Trần Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị A, anh B thực hiện quyền này.

- **Về chia tài sản:** Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Mông Thị A và anh Trần Văn B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Mông Thị A và anh Trần Văn B mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị A tự nguyện nộp thay anh B số tiền án phí mà anh B phải nộp, anh B nhất trí. Tổng cộng chị Mông Thị A phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị Mông Thị A đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Mông Thị A số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/0003648 ngày 23/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Đ, thành phố C, tỉnh C;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND TP Lai Châu;
- Chi cục THA dân sự TP Lai Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Nga